

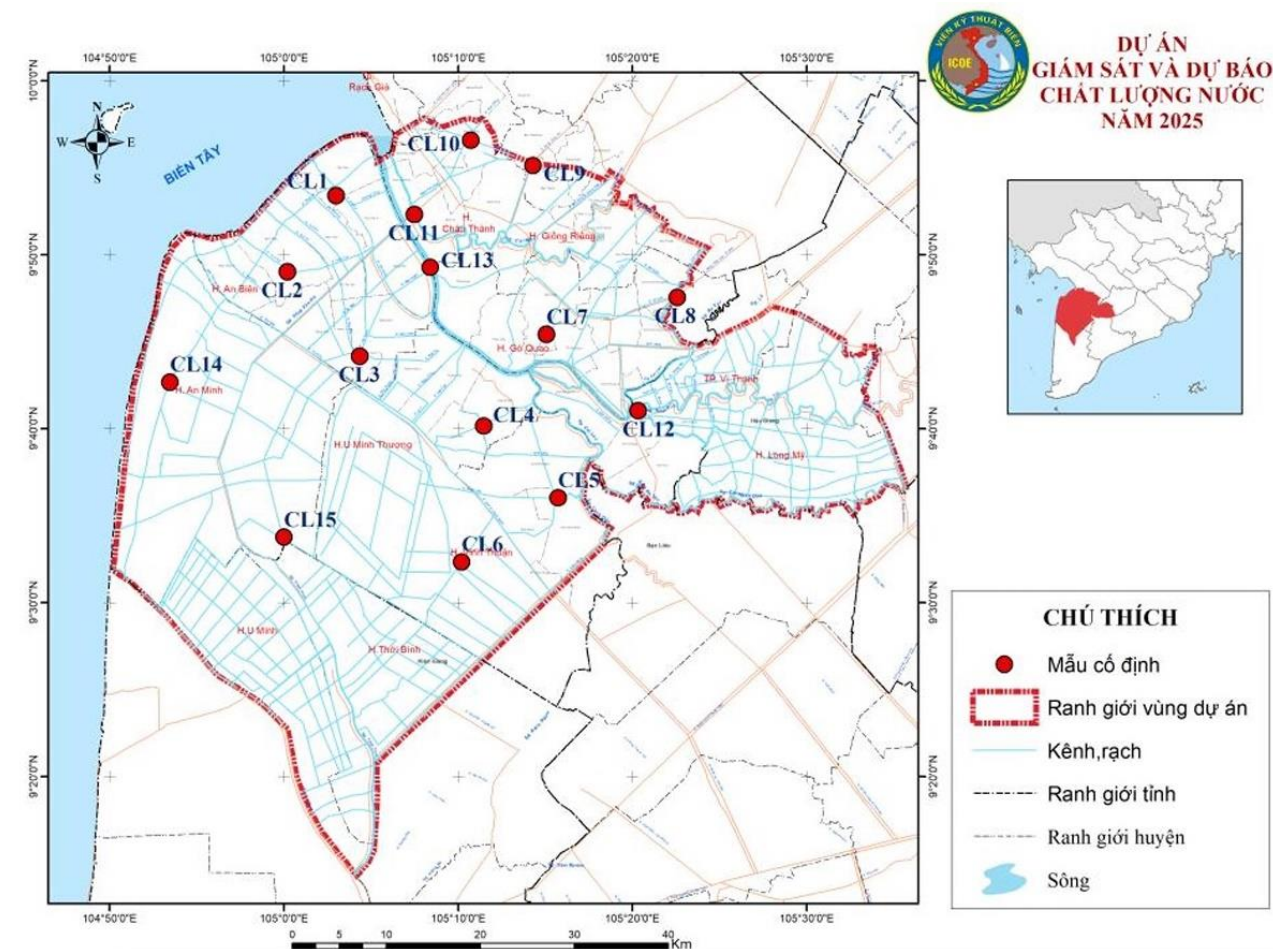
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 11

“Đợt đo ngày 12/05/2025, dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 12 tháng 05 năm 2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1, và kết quả đo đạc được thể hiện trong Bảng 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Bảng 1. Kết quả đo đạc và phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml		-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
1	CL1 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,27	9,6	62,21	5,24	7,4	15,8	0,15	0,91	2400	80	- So với đợt lấy mẫu ngày 28/4/2025, chất lượng nước tại CL1 có xu hướng cải thiện, nhiều chỉ tiêu đã đạt chuẩn Mức B. Tuy nhiên, các chỉ tiêu BOD ₅ và COD vẫn vượt ngưỡng, cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước; - WQI đạt mức Tốt, có sự cải thiện so với ngày 28/04/2025 (WQI 70, mức Trung bình)
2	CL2 Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,46	16	42,10	6,05	12,1	22,7	0,32	1,60	4200	73	- Tình trạng ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng vẫn còn đáng kể. Các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-P, T-N vượt ngưỡng Mức B. Cần xử lý nước trước khi sử dụng; - WQI đạt mức Trung bình, có xu hướng tăng nhẹ so với ngày 28/04/2025 (WQI 66)
3	CL3 Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,33	9	30,40	5,32	14,2	26,5	0,24	2,69	2200	71	- Kết quả ngày 12/05/2025 cho thấy các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N vượt ngưỡng Mức B. So với ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu này đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng. DO đạt Mức B, giảm nhẹ. T-P và Coliform đạt Mức B và đều giảm so với ngày 28/04/2025; - WQI đạt mức Trung bình, có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 59)
4	CL4 Điểm lấy mẫu trên kênh	7,51	6,9	60,41	6,14	18,2	30,4	0,10	3,03	3200	69	- So với ngày 28/04/2025, BOD ₅ ổn định ở mức cao và tiếp tục vượt ngưỡng, COD và T-N đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng. DO đạt Mức B và tăng nhẹ. Coliform đạt Mức

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang											B và giảm mạnh; - WQI đạt mức Trung bình, có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 54)
5	CL5 Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	7,28	11	36,24	5,21	9,2	19,5	0,17	2,47	3800	73	- So với ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng rất cao. DO đạt Mức B và tăng nhẹ; Coliform đạt Mức B và giảm mạnh; - WQI đạt 73 (mức Trung bình), có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 51)
6	CL6 Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	7,24	20,3	23,21	5,84	14,6	28,5	0,27	3,24	4400	67	- So với đợt đo ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng. T-P đạt Mức B và xu hướng giảm. Coliform đạt Mức B và giảm mạnh. DO đạt Mức B và tăng nhẹ. - WQI đạt 67 (mức Trung bình), có xu hướng tăng mạnh so với ngày 28/04/2025 (WQI 49, mức Kém)
7	CL7 Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	7,61	0,6	52,40	4,95	8,1	16,4	0,20	2,14	5000	71	- So với kỳ trước ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng. DO dưới ngưỡng Mức B và giảm nhẹ. T-P và Coliform đạt Mức B và đều giảm. - WQI đạt 71 (mức Trung bình), có xu hướng tăng nhẹ so với ngày 28/04/2025 (WQI 68)
8	CL8	7,55	0,1	24,51	5,84	11,2	20,7	0,16	2,95	2700	77	- So với đợt đo ngày 28/04/2025, BOD ₅ và COD đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng, T- N có xu hướng tăng và vượt ngưỡng. DO

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hồ), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang											đạt Mức B, giảm nhẹ. Các chỉ tiêu khác như T-P và Coliform đạt Mức B và ổn định ở mức đạt. - WQI đạt 77 (mức Tốt), có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 70, mức Trung bình)
9	CL9 Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bàu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	7,46	0,1	31,80	5,34	13,6	26,4	0,20	3,75	3900	68	- So với đợt lấy mẫu ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N tuy đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng cao. DO đạt Mức B, giảm nhẹ. T-P và Coliform đạt Mức B và đều giảm. - WQI đạt 68 (mức Trung bình), có xu hướng tăng mạnh so với ngày 28/04/2025 (WQI 48, mức Kém)
10	CL10 Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, Kiên Giang	7,27	0,1	40,73	4,97	12,4	22,3	0,34	2,74	5200	65	- So với ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-N đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng rất cao, T-P có xu hướng tăng và vượt chuẩn. DO dưới ngưỡng Mức B, giảm nhẹ. Coliform vượt ngưỡng Mức B và tăng nhẹ; - WQI đạt 65 (mức Trung bình), có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 57).
11	CL11 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậu), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.	7,61	0,2	51,20	4,21	21,7	38,6	0,39	5,80	5900	49	- So với ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu ô nhiễm (BOD ₅ , COD, T-P, T-N) đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng rất cao, Coliform có xu hướng tăng và vượt chuẩn. DO dưới ngưỡng Mức B và giảm mạnh; - WQI chỉ đạt 49 (mức Kém), có xu hướng

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
												giảm so với ngày 28/04/2025 (WQI 53, mức Trung bình).
12	CL12 Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	7,39	0,1	38,52	5,23	8,5	17,5	0,24	1,16	3100	77	- So với đợt đo ngày 28/04/2025, BOD ₅ và COD đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng. T-N và Coliform đạt Mức B và đã giảm mạnh. DO đạt Mức B và giảm nhẹ. - WQI đạt 77 (mức Tốt), có xu hướng tăng mạnh so với ngày 28/04/2025 (WQI 62, mức Trung bình)
13	CL13 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	7,33	5,4	21,60	5,01	17,4	35,4	0,32	4,02	6200	55	- So với kỳ lấy mẫu trước (ngày 28/04/2025), BOD ₅ có xu hướng tăng nhẹ và vượt ngưỡng, các chỉ tiêu ô nhiễm khác (COD, T-P, T-N, Coliform) đã giảm nhưng vẫn vượt ngưỡng mức cao. DO đạt Mức B và tăng nhẹ. - WQI đạt 55 (mức Trung bình), có xu hướng tăng so với ngày 28/04/2025 (WQI 43, mức Kém).
14	CL14 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chổng Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	7,42	20,7	62,14	5,95	9,0	16,2	0,29	1,09	4700	75	- So với đợt đo ngày 28/04/2025, các chỉ tiêu BOD ₅ , COD, T-P, T-N đã giảm và hiện tại T-P, T-N đã đạt Mức B. DO đạt Mức B và giảm nhẹ. Coliform đạt Mức B. TSS vẫn đạt chuẩn và đã giảm mạnh. - WQI đạt 75 (mức Trung bình), có xu hướng tăng nhẹ so với ngày 28/04/2025 (WQI 72).
15	CL15 Điểm lấy mẫu trên kênh Cùng	7	22,1	30,7	5,41	9,1	17,7	0,14	1,04	3400	76	- So với đợt trước (ngày 28/04/2025), các chỉ tiêu BOD ₅ , COD có xu hướng tăng và vượt chuẩn; T-N đạt Mức B và tăng nhẹ; T-

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Độ Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	T-P	T-N	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	Đơn vị	-	‰	mg/l	mgO ₂ /l		mg/l			MPN/100ml	-	-
	QCVN08- MT:2023/BTNMT (Bảng 2; Mức B)	6,0 ÷ 8,5	-	≤ 100	≥ 5	≤ 6	≤ 15	≤ 0,3	≤ 1,5	≤ 5.000	-	-
	giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang											P và Coliform đạt Mức B và đều giảm mạnh; DO đạt Mức B, giảm nhẹ. - WQI đạt 76 (mức Tốt), có xu hướng tăng mạnh so với ngày 28/04/2025 (WQI 63, mức Trung bình).

[Ghi chú: các giá trị in đậm của chỉ số thể hiện vượt ngưỡng mức B theo QCVN 08MT:2023]

Bảng 2. *Bảng đánh giá chất lượng nước theo giá trị WQI*

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang màu
I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 được thể hiện trong các bảng từ Bảng 3 đến Bảng 6 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong hệ thống. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 0,02‰ (tại CL12) đến 23,47‰ (tại CL15). Các vị trí như CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12 có độ mặn dự báo Min và Max đều dưới 1‰, cho thấy nước có xu hướng ngọt hoặc lợ nhẹ tại các điểm này trong giai đoạn dự báo. Các vị trí CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL13, CL14, CL15 có độ mặn dự báo vượt 4‰. Đặc biệt, CL2, CL6, CL14, CL15 có độ mặn dự báo rất cao. Giá trị độ mặn dự báo cao nhất ghi nhận tại CL15 (Max 23,47‰) và CL14 (Max 22,62‰).

Bảng 3. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)									
	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	25/05	26/05	Min	Max
CL1	8,97	9,76	9,91	9,81	9,75	9,95	9,95	9,91	8,97	9,95
CL2	17,53	17,62	17,65	17,71	17,88	17,79	17,47	17,03	17,03	17,88
CL3	9,86	9,97	9,80	9,56	9,40	9,26	9,02	8,42	8,42	9,97
CL4	4,63	5,25	5,75	6,09	6,29	6,26	5,88	6,49	4,63	6,49
CL5	9,80	9,88	9,00	7,38	5,89	7,16	9,81	10,82	5,89	10,82
CL6	18,27	18,33	18,35	18,35	18,37	18,43	18,50	18,68	18,27	18,68
CL7	0,47	0,48	0,46	0,46	0,45	0,42	0,38	0,35	0,35	0,48
CL8	0,04	0,11	0,17	0,10	0,15	0,07	0,16	0,04	0,04	0,17
CL9	0,17	0,14	0,17	0,21	0,13	0,17	0,16	0,19	0,13	0,21
CL10	0,20	0,07	0,18	0,16	0,20	0,06	0,13	0,16	0,06	0,20
CL11	0,50	0,50	0,52	0,56	0,62	0,63	0,61	0,60	0,50	0,63
CL12	0,02	0,12	0,12	0,20	0,21	0,08	0,08	0,03	0,02	0,21
CL13	4,52	4,21	4,07	4,10	4,24	4,42	4,65	4,82	4,07	4,82
CL14	21,72	21,63	22,06	22,42	22,39	22,62	21,80	20,91	20,91	22,62
CL15	23,47	22,86	22,20	21,67	21,27	20,95	20,77	20,79	20,77	23,47
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰		> 4‰						

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo tại Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy: Nhiều vị trí có giá trị DO dự báo Min đạt hoặc vượt ngưỡng Mức B. Tuy nhiên, kết quả dự báo vẫn cho thấy một số điểm có giá trị DO dự báo Min thấp hơn ngưỡng Mức B ($< 5,0 \text{ mgO}_2/\text{l}$), bao gồm CL1 (Min $4,82 \text{ mgO}_2/\text{l}$), CL7 (Min $3,93 \text{ mgO}_2/\text{l}$), CL10 (Min $4,42 \text{ mgO}_2/\text{l}$), và CL11 (Min $3,80 \text{ mgO}_2/\text{l}$). Vị trí CL2 và CL8 là hai điểm duy nhất có giá trị DO dự báo Min đạt Mức A ($\geq 6,0 \text{ mgO}_2/\text{l}$) trong suốt giai đoạn dự báo.

Bảng 4. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO ₂ /l)									
	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	25/05	26/05	Min	Max
CL1	5,08	5,05	5,01	4,95	4,85	4,85	4,83	4,82	4,82	5,08
CL2	6,35	6,34	6,33	6,31	6,28	6,20	6,19	6,25	6,19	6,35
CL3	5,12	5,19	5,26	5,31	5,34	5,36	5,39	5,40	5,12	5,40
CL4	5,50	5,48	5,45	5,44	5,46	5,56	5,64	5,64	5,44	5,64
CL5	5,60	5,55	5,50	5,43	5,34	5,30	5,23	5,20	5,20	5,60
CL6	5,66	5,62	5,58	5,55	5,54	5,55	5,57	5,56	5,54	5,66
CL7	3,93	4,02	4,13	4,23	4,33	4,40	4,45	4,46	3,93	4,46
CL8	6,15	6,12	6,10	6,09	6,09	6,09	6,10	6,09	6,09	6,15
CL9	5,60	5,66	5,70	5,73	5,75	5,76	5,76	5,73	5,60	5,76
CL10	4,72	4,68	4,61	4,48	4,42	4,49	4,57	4,65	4,42	4,72
CL11	3,87	3,80	3,99	4,33	4,61	4,78	4,85	4,87	3,80	4,87
CL12	5,68	5,69	5,68	5,64	5,60	5,55	5,49	5,43	5,43	5,69
CL13	5,31	5,30	5,30	5,31	5,32	5,34	5,36	5,37	5,30	5,37
CL14	5,87	5,92	5,93	5,92	5,88	5,86	5,90	5,87	5,86	5,93
CL15	5,60	5,60	5,59	5,57	5,54	5,51	5,46	5,40	5,40	5,60
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≥ 6,0			Đạt Mức B: ≥ 5,0			Không đạt Mức B: < 5,0			
Khuyến cáo	Chỉ tiêu DO đã cải thiện đáng kể so với kỳ lấy mẫu ngày 28/04/2025 ở nhiều điểm, tuy nhiên kết quả dự báo từ ngày 19/05 đến 26/05 vẫn cho thấy một số điểm có DO dự báo dưới ngưỡng Mức B (CL1, CL7, CL10, CL11) nên cần chú ý khi lấy nước phục vụ sản xuất tại các vị trí này									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

So với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B (≤ 6 mg/l), kết quả dự báo BOD₅ từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ tiếp tục diễn ra và BOD₅ dự báo vượt ngưỡng Mức B tại tất cả các điểm dự báo. Giá trị BOD₅ dự báo dao động từ Min 7,72 mgO₂/l (tại CL12) đến Max 22,97 mgO₂/l (tại CL11). Tất cả các giá trị Min dự báo tại 15 điểm đều vượt ngưỡng Mức B (≤ 6 mgO₂/l). Các vị trí CL3, CL4, CL6, CL9, CL11, và CL13 được nhận định là duy trì mức BOD₅ dự báo cao, với giá trị Max vượt xa ngưỡng Mức B. Đặc biệt, CL11 có giá trị BOD₅ dự báo Max cao nhất (22,97 mgO₂/l).

Bảng 5. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)									
	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	25/05	26/05	Min	Max
CL1	8,61	8,52	8,44	8,38	8,30	8,24	8,24	8,34	8,24	8,61
CL2	12,11	12,20	12,26	12,29	12,38	12,45	12,40	12,33	12,11	12,45
CL3	13,25	14,83	15,65	15,88	15,81	15,36	14,45	13,32	13,25	15,88
CL4	19,70	20,05	19,71	18,76	18,52	18,47	18,05	17,83	17,83	20,05
CL5	8,92	8,92	8,93	8,88	8,96	9,21	9,28	8,90	8,88	9,28
CL6	14,43	14,85	15,94	17,32	18,02	17,77	17,11	16,53	14,43	18,02
CL7	8,16	8,12	8,07	8,01	7,99	8,01	8,05	8,05	7,99	8,16
CL8	11,44	11,39	11,36	11,37	11,38	11,42	11,45	11,45	11,36	11,45
CL9	13,01	13,54	14,09	14,39	14,66	15,26	15,97	16,34	13,01	16,34
CL10	12,47	12,38	12,05	11,73	11,72	11,81	11,83	11,80	11,72	12,47
CL11	18,29	18,50	18,50	21,75	22,29	22,78	22,89	22,97	18,29	22,97
CL12	7,77	7,75	7,74	7,73	7,72	7,72	7,72	7,73	7,72	7,77
CL13	15,32	16,11	16,98	17,85	15,14	14,89	14,69	14,54	14,54	17,85
CL14	9,84	9,78	9,73	9,63	9,50	9,42	9,39	9,43	9,39	9,84
CL15	10,76	10,39	10,21	10,12	10,05	10,02	10,02	10,04	10,02	10,76
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6			
Khuyến cáo	Kết quả dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy chỉ tiêu BOD ₅ tiếp tục vượt ngưỡng Mức B tại tất cả các vị trí. Tình trạng ô nhiễm hữu cơ vẫn còn phổ biến. Cần thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp									

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

So sánh với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B ($\leq 1,5$ mg/l), nồng độ Nitơ Tổng dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy tình trạng vượt ngưỡng Mức B tại nhiều vị trí. Giá trị Nitơ Tổng dự báo dao động từ Min 0,91 mg/l (tại CL1) đến Max 5,31 mg/l (tại CL4). Chỉ có vị trí CL1 có giá trị dự báo T-N Min và Max đều $\leq 1,5$ mg/l, đạt Mức B một cách nhất quán trong giai đoạn dự báo. Đặc biệt, các vị trí như CL4, CL5, CL9, CL11, CL13 có giá trị dự báo T-N ở mức cao. CL4 có giá trị Max dự báo cao nhất (5,31 mg/l).

Bảng 6. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)									
	19/05	20/05	21/05	22/05	23/05	24/05	25/05	26/05	Min	Max
CL1	1,11	1,05	0,99	0,94	0,92	0,92	0,92	0,91	0,91	1,11
CL2	1,51	1,54	1,44	1,36	1,37	1,43	1,49	1,50	1,36	1,54
CL3	3,18	2,73	2,48	2,36	2,24	2,14	2,06	2,14	2,06	3,18
CL4	4,88	5,15	5,24	5,07	5,06	5,22	5,31	5,27	4,88	5,31
CL5	4,35	4,72	4,80	4,73	4,58	4,44	4,35	4,34	4,34	4,80
CL6	3,84	3,79	3,67	3,52	3,49	3,59	3,62	3,46	3,46	3,84
CL7	1,40	1,37	1,35	1,34	1,34	1,38	1,45	1,53	1,34	1,53
CL8	1,84	1,87	1,91	1,95	1,95	1,84	1,84	1,91	1,84	1,95
CL9	4,53	4,36	4,23	4,11	3,99	3,86	3,73	3,60	3,60	4,53
CL10	2,97	2,84	2,79	2,79	2,75	2,66	2,58	2,50	2,50	2,97
CL11	5,09	4,59	4,37	4,35	4,35	4,34	4,36	4,40	4,34	5,09
CL12	2,08	2,06	2,07	2,11	2,16	2,18	2,22	2,27	2,06	2,27
CL13	3,61	3,63	3,62	3,53	3,47	3,49	3,57	3,65	3,47	3,65
CL14	1,80	1,79	1,79	1,80	1,80	1,72	1,68	1,70	1,68	1,80
CL15	1,75	1,76	1,76	1,76	1,77	1,78	1,79	1,82	1,75	1,82
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 0,6			Đạt Mức B: ≤ 1,5			Không đạt Mức B: > 1,5			
Khuyến cáo	Kết quả dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025 cho thấy chỉ tiêu T-N tiếp tục vượt ngưỡng Mức B tại nhiều vị trí. Tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng (T-N) vẫn còn phổ biến tại hầu hết các vị trí. Do đó cần thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản									

Khuyến nghị chung:

- Kết quả đo ngày 12/05/2025 cho thấy sự cải thiện ở một số chỉ tiêu tại nhiều điểm so với ngày 28/04/2025, đặc biệt là Coliform giảm mạnh ở nhiều điểm, chỉ có 2 điểm (CL10, CL13) vượt ngưỡng Mức B; T-N, T-P cũng giảm ở nhiều điểm tuy nhiên T-N vẫn vượt ngưỡng mức B tại hầu hết các vị trí; ô nhiễm hữu cơ (BOD₅, COD) vẫn còn phổ biến khi tiếp tục vượt ngưỡng Mức B tại hầu hết các điểm giám sát; chỉ tiêu DO đã cải thiện đáng kể chỉ có 2 điểm (CL7, CL11) dưới ngưỡng Mức B; pH và Độ mặn: tất cả 15 vị trí đo ngày 12/05/2025 đều có giá trị pH nằm trong giới hạn cho phép, giá trị độ mặn rất đa dạng, dao động từ 0,1‰ đến 22,1‰, phản ánh sự ảnh hưởng của thủy triều và vị trí địa lý. Về chỉ số WQI ngày 12/05/2025, chỉ có điểm CL11 có WQI 49 (mức Kém), trong khi ngày 28/04/2025 có 3 điểm (CL6, CL9, CL13) có WQI dưới 50 (Kém). WQI tổng thể ngày 12/05/2025 có xu hướng cải thiện hoặc ổn định so với ngày 28/04/2025 tại nhiều điểm, có 4 điểm WQI từ 76 trở lên (mức Tốt: CL1, CL8, CL12, CL15).
- Kết quả dự báo từ ngày 19/05/2025 đến 26/05/2025: Đối với Độ mặn, dự báo cho thấy sự biến động lớn giữa các điểm, dao động từ 0,02‰ đến 23,47‰, từ mức rất thấp (ngọt) đến mức rất cao (mặn). Đối với Oxy hòa tan (DO), kết quả dự báo cho thấy tình hình đã cải thiện đáng kể so với kỳ lấy mẫu ngày 28/04/2025 ở nhiều điểm, tuy nhiên, một số điểm vẫn được dự báo có giá trị DO Min dưới ngưỡng Mức B, cụ thể là CL1, CL7, CL10, CL11. Cần chú ý khi lấy nước phục vụ sản xuất tại các vị trí này. Do tình trạng nhiều chỉ tiêu ô nhiễm dự báo vượt giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Mức B), đặc biệt là BOD₅ (vượt ngưỡng tại tất cả các điểm) và T-N (vượt ngưỡng tại hầu hết các điểm), người dân và các đơn vị quản lý cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến chất lượng nước trong các kỳ tiếp theo.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
KỸ THUẬT BIỂN
Phạm Văn Tùng